



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2025



THÔNG BÁO SỐ 11410/TB-SXD-QLN&TTBĐS VỀ VIỆC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN BẤT ĐỘNG SẢN, DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN ĐƯA VÀO KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ (ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN, DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN)



NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT VIỆC LÀM 2025

NGHỊ ĐỊNH 274/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI VỀ CHẠM ĐÓNG, TRỐN ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP; KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI



PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES
LIÊN HỆ CHÚNG TÔI

 : <http://lacduy-associates.com>

 : lacduy@lacduy-associates.com

 : +84917275572/+842836221603

 : Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP.HCM



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2025

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 10 năm 2025 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Những điểm mới của Luật Việc làm 2025
- Thông báo số 11410/TB-SXD-QLN&TTBĐS về việc chấp hành quy định pháp luật về công khai thông tin bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh trên địa bàn Thành phố (đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, dự án bất động sản)
- Nghị định 274/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội
- Cập nhật Văn bản Pháp luật tháng 10/2025





LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2025

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT VIỆC LÀM 2025



Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025 và chính thức có hiệu lực từ 01/01/2026 (“**Luật Việc làm 2025**”). Luật Việc làm 2025 có một số nội dung mới đáng chú ý như sau:

1. Bổ sung quy định về chính sách hỗ trợ việc làm cho người lao động là người cao tuổi

Điều 13 Luật Việc làm 2025 quy định về chính sách hỗ trợ việc làm cho người lao động là người cao tuổi như sau:

- “1. Được vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm theo quy định của Luật này.
2. Được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của Luật này.
3. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách, Nhà nước có chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, đào tạo lại, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao

động nhằm thích ứng với già hóa dân số.”

2. Bổ sung quy định về hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề

Khoản 1 Điều 22 Luật Việc làm 2025 bổ sung quy định về nội dung của việc phát triển kỹ năng nghề, bao gồm:

- “a) Xây dựng, quản lý, thực hiện khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia;
- b) Xây dựng, công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia theo khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và cập nhật với tiêu chuẩn, trình độ kỹ năng nghề của khu vực, thế giới; xây dựng, phát triển các bộ công cụ đánh giá để công nhận, cấp chứng chỉ kỹ

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603



năng nghề quốc gia;

c) Ban hành danh mục nghề, công việc yêu cầu phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

d) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định của pháp luật;

đ) Nâng cao năng lực của hệ thống tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

e) Công nhận, thừa nhận lẫn nhau về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia giữa Việt Nam với các quốc gia khác;

g) Bảo đảm quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động về nâng cao trình độ kỹ năng nghề của người lao động theo quy định của pháp luật;

h) Xây dựng cơ sở dữ liệu về nội dung phát triển kỹ năng nghề.”

Thêm vào đó, người lao động thuộc các đối tượng tại khoản 3 Điều 22 được nhà nước hỗ trợ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cụ thể:

“a) Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng;

b) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

c) Người khuyết tật;

d) Người cao tuổi;

đ) Người dân tộc thiểu số;

e) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

g) Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

h) Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành

nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng;

i) Đối tượng khác do Chính phủ quyết định căn cứ tình hình kinh tế - xã hội.”

3. Bổ sung đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp và đối tượng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp

Khoản 1 Điều 31 Luật Việc làm 2025 bổ sung một số đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp như sau:

“a) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên;

b) Người lao động quy định tại điểm a khoản này làm việc không trọn thời gian, có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Người làm việc theo hợp đồng làm việc;

d) Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã có hưởng tiền lương.”

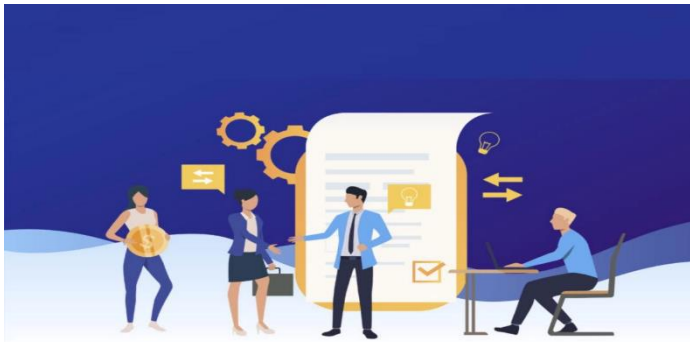
Trong trường hợp người lao động đồng thời thuộc nhiều đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp



khác nhau quy định tại khoản này thì người lao động và người sử dụng lao động có trách nhiệm tham gia bảo hiểm thất nghiệp cùng với việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Khoản 2 Điều 31 bổ sung đối tượng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp, cụ thể: “Người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều này mà đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ hoặc đủ điều kiện hưởng lương hưu; người lao động đang làm việc theo hợp đồng thử việc theo quy định của pháp luật lao động; người lao động là người giúp việc gia đình thì không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.”

4. Bổ sung quy định về đăng ký lao động



Thông tin đăng ký lao động được quy định tại Điều 17 Luật Việc làm 2025 như sau:

“1. Thông tin đăng ký lao động của người lao động bao gồm:

- a) Nhóm thông tin cơ bản: họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; nơi ở hiện tại;
- b) Nhóm thông tin về giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, chứng chỉ kỹ năng

nghề và các chứng chỉ khác;

c) Nhóm thông tin về tình trạng việc làm và nhu cầu về việc làm;

d) Nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

đ) Nhóm thông tin khác về đặc điểm, đặc thù của người đăng ký.”

Người sử dụng lao động, người lao động thực hiện đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký lao động khi đăng ký, điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội. Thông tin đăng ký lao động được kết nối, cập nhật, đồng bộ, chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác theo quy định của Luật này, pháp luật về dữ liệu và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, Điều 18 quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động khi thực hiện đăng ký thông tin như sau:

“1. Người lao động có quyền sau đây:

- a) Được bảo vệ thông tin đăng ký lao động của bản thân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Được khai thác thông tin của bản thân trong cơ sở dữ liệu về người lao động;
- c) Được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cập nhật thông tin đăng ký lao động trong cơ sở dữ liệu về người lao động;
- d) Được sử dụng thông tin của bản thân trong cơ sở dữ liệu về người lao động trong giao dịch, tiếp cận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ tạo việc làm; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;



tư vấn, giới thiệu việc làm; bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật này.

2. Người lao động có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện việc đăng ký lao động theo quy định của Luật này;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời về thông tin đăng ký lao động cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người sử dụng lao động và chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp;

c) Kịp thời thực hiện việc điều chỉnh thông tin trong cơ sở dữ liệu về người lao động khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 của Luật này.”

5. Sửa đổi, bổ sung quy định đóng bảo hiểm thất nghiệp

Điểm a và điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Việc làm 2025 sửa đổi quy định về mức đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động và người sử dụng lao động như sau:

- Người lao động đóng **tối đa** bằng 1% tiền lương tháng;

- Người sử dụng lao động đóng **tối đa** bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp;

Ngoài ra, Điều 33 còn bổ sung một số quy định về trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động đối với người lao động như sau:

- Đối với người lao động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 của Luật này hưởng tiền lương theo sản phẩm, theo khoán tại doanh nghiệp, tổ hợp

tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thì người sử dụng lao động đăng ký với cơ quan bảo hiểm xã hội và thực hiện đóng bảo hiểm thất nghiệp hằng tháng, 03 tháng hoặc 06 tháng một lần. Thời hạn đóng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ đóng.

- Đối với người lao động không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không phải đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng đó.

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp. Việc xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

- Người sử dụng lao động được giảm tiền đóng bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của mình phải đóng cho người lao động là người khuyết tật trong thời gian không quá 12 tháng khi tuyển mới và sử dụng người lao động là người khuyết tật.

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định đối với người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc chấm dứt làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Trường hợp người sử dụng lao động không đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thì phải trả khoản tiền tương ứng với các chế độ bảo hiểm thất nghiệp mà người lao động được hưởng theo quy định của pháp luật.



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2025

THÔNG BÁO SỐ 11410/TB-SXD-QLN&TTBĐS VỀ VIỆC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN BẤT ĐỘNG SẢN, DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN ĐƯA VÀO KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ (ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN, DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN)



Nhằm tạo điều kiện, hướng dẫn Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, dự án bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 10/10/2025, Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh (“Sở Xây dựng”) đã ban hành Thông báo số 11410/TB-SXD-QLN&TTBĐS (“**Thông Báo 11410**”) về việc chấp hành quy định pháp luật và công khai thông tin bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh trên địa bàn Thành phố. Theo đó, những Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, dự án bất động sản phải

thực hiện đầy đủ về việc công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản và báo cáo tình hình giao dịch nhằm đảm bảo minh bạch và quyền lợi của nhà đầu tư. Những điểm cần lưu ý trong Thông Báo 11410 như sau:

1. Việc công khai và báo cáo không chỉ còn là hình thức

Theo Điều 26 Nghị Định 94/2024/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (“**Nghị Định 94**”), vì tính đến **thời điểm Nghị Định 94 có hiệu lực mà hệ thống phần mềm dùng chung vẫn chưa hoàn thiện**, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện báo cáo thông tin của bất động sản, dự án bất động sản trước khi đưa vào kinh doanh và thông tin về tình hình giao dịch bất động sản của dự án **bằng văn bản giấy** theo **Biểu mẫu số 09** và **Biểu mẫu số 11** được đính kèm theo Phụ lục của Nghị Định 94. Khi thực hiện báo cáo bằng văn bản giấy thì phải gửi về cho Sở Xây dựng ở địa chỉ số 60 Trương Định, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong thời gian tới, khi Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản được Bộ Xây dựng xây dựng hoàn thiện thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân được báo cáo bằng file dữ liệu điện tử.

Ngoài việc Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, dự án bất động sản phải thực hiện nghiêm các quy

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603



định nêu trên, thì Sở Xây dựng **ng nghiêm cấm thực hiện việc ủy quyền** cho tổ chức, cá nhân khác ký hợp đồng đặt cọc, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng, quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản. Trước khi ký kết bất kỳ hợp đồng chuyển nhượng, bán, hoặc cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai nào, chủ đầu tư dự án **phải có văn bản thông báo** cho cơ quan quản lý nhà nước về việc dự án đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.

2. Hành vi vi phạm trong việc kinh doanh bất động sản

Đối với những trường hợp Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, dự án bất động sản vi phạm quy định về kinh doanh bất động sản được quy định tại Điều 58 Nghị Định 16/2022/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng (“**Nghị Định 16**”) sẽ bị phạt tiền tối thiểu từ 100.000.000 đồng đến tối đa là 1.000.000.000 đồng tùy theo từng hành vi/ mức độ vi phạm đã được liệt kê cụ thể trong Điều 58 Nghị Định 16.



Lưu ý: Đối với những hành vi vi phạm được quy định tại **điểm a, điểm b và điểm e Khoản 3 Điều 58 Nghị Định 16** (Kinh doanh bất động sản mà bất động sản đó không đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định hoặc không được phép đưa vào kinh doanh theo quy định, kinh doanh bất động sản không đúng phạm vi được kinh doanh theo quy định, ủy quyền hoặc giao cho bên tham gia hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh hoặc góp vốn thực hiện ký hợp đồng mua bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê mua bất động sản), thì ngoài bị xử phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, còn có thể bị xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động kinh doanh bất động sản từ 03 đến 06 tháng.



NGHỊ ĐỊNH 274/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI VỀ CHẠM ĐÓNG, TRỐN ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP; KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Vào ngày 16/10/2025, Nghị định 274/2025/NĐ-CP (“**Nghị định 274**”) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (“**BHXHBB**”), bảo hiểm thất nghiệp (“**BHTN**”); khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội (“**BHXXH**”) đã được Chính phủ ban hành và sẽ có hiệu lực từ ngày 30/11/2025. Những điểm nổi bật của Nghị định này bao gồm:



1. Đối tượng áp dụng

Về đối tượng áp dụng, Điều 2 Nghị định 274 quy định những đối tượng sau đây:

- (i) Người lao động (“**NLĐ**”) thuộc đối tượng tham gia BHXHBB quy định tại Điều 2.1, Điều 2.2, và Điều 2.5 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 (“**Luật BHXXH**”);
- (ii) Người sử dụng lao động (“**NSDLĐ**”) thuộc đối tượng tham gia BHXHBB quy định tại Điều 2.3 Luật BHXXH;
- (iii) NLĐ và NSDLĐ thuộc đối tượng tham gia BHTN quy định tại Điều 43 Luật Việc làm 2013; và
- (iv) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc chậm đóng, trốn đóng BHXHBB, BHTN; khiếu nại, tố cáo về BHXXH quy định tại Nghị định 274.

2. Các trường hợp không bị coi là trốn đóng BHXHBB, BHTN

Theo Điều 4 Nghị định 274, các trường hợp trốn đóng BHXHBB, BHTN quy định tại Điều 39.1 Luật BHXXH sẽ không bị coi là trốn đóng BHXHBB, BHTN khi có một trong các lý do sau theo công bố của cơ quan có thẩm quyền về phòng, tránh thiên tai, tình trạng khẩn cấp, phòng thủ dân sự và phòng, chống dịch bệnh, bao gồm:

- (i) Bão, lũ, ngập lụt, động đất, hỏa hoạn lớn, hạn hán kéo dài và các loại thiên tai khác ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- (ii) Dịch bệnh nguy hiểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và khả năng tài chính của cơ quan, tổ chức, NSDLĐ;
- (iii) Tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đột xuất, bất ngờ đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, NSDLĐ; và
- (iv) Các sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật dân sự.



3. Số tiền, số ngày chậm đóng BHXHB, BHTN

Điều 5.1 Nghị định 274 quy định cách xác định số tiền chậm đóng BHXHB, BHTN như sau:

(i) Trường hợp chậm đóng do chưa đóng hoặc đóng chưa đầy đủ số tiền phải đóng theo hồ sơ tham gia BHXHB, BHTN đã đăng ký kể từ sau ngày đóng chậm nhất:

- Số tiền BHXHB chậm đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ theo quy định tại Điều 13.4 Luật BHXH còn phải đóng theo đăng ký sau thời hạn đóng BHXHB chậm nhất quy định tại Điều 34.4 Luật BHXH;

- Số tiền BHTN chậm đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ còn phải đóng theo đăng ký sau thời hạn đóng BHTN chậm nhất quy định theo quy định của pháp luật về BHTN.

(ii) Trường hợp chậm đóng do không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia BHXHB, BHTN trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn:

- Số tiền BHXHB chậm đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ theo quy định tại Điều 13.4 Luật BHXH phải đóng cho NLĐ chưa được đăng ký tham gia BHXH trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 28.1 Luật BHXH;

- Số tiền BHTN chậm đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ phải đóng cho NLĐ chưa được đăng ký tham gia BHTN trong thời hạn 60 ngày.

(iii) Trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn mà NSDLĐ không đăng ký hoặc đăng ký

không đầy đủ số người phải tham gia BHXHB, BHTN nhưng không bị coi là trốn đóng theo Điều 4 Nghị định 274:

- Số tiền BHXHB chậm đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ theo quy định tại Điều 13.4 Luật BHXH phải đóng cho NLĐ trong thời gian chưa tham gia BHXH;

- Số tiền BHTN chậm đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ phải đóng cho NLĐ theo quy định của pháp luật về BHTN trong thời gian chưa tham gia BHTN.

(iv) Trường hợp đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng BHXHB, BHTN thấp hơn quy định; không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký BHXHB, BHTN sau 60 ngày kể từ ngày đóng chậm nhất và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc; và các trường hợp trốn đóng BHXHB, BHTN khác nhưng không bị coi là trốn đóng theo Điều 4 Nghị định 274: Số tiền chậm đóng BHXHB, BHTN xác định theo quy định tại điểm Điều 5.1.a Nghị định 274.

Ngoài số tiền chậm đóng trên, cơ quan BHXH tính tiền lãi bằng 0,03%/ngày đối với số tiền chậm đóng trên toàn bộ số ngày chậm đóng, căn cứ theo Điều 7.2 Nghị định 274.

Theo Điều 5.2 Nghị định 274, số ngày chậm đóng BHXHB, BHTN được tính từ ngày sau thời hạn đăng ký tham gia BHXH và thời hạn đóng BHXH chậm nhất quy định tại Điều 28.1, Điều 28.2, và Điều 34.4 Luật BHXH hoặc sau thời hạn đóng BHTN chậm nhất theo quy định của pháp luật về BHTN.



4. Số tiền, số ngày trốn đóng BHXHB, BHTN

Điều 6.1 Nghị định 274 quy định cách xác định số tiền trốn đóng BHXHB, BHTN như sau:

(i) Trường hợp trốn đóng do sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn mà NSDLĐ không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia BHXHB, BHTN:

- Số tiền BHXHB trốn đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ theo quy định tại Điều 13.4 Luật BHXH phải đóng cho NLĐ chưa được đăng ký tham gia BHXH sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 28.1 Luật BHXH;

- Số tiền BHTN trốn đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ phải đóng cho NLĐ chưa được đăng ký tham gia BHTN sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải tham gia BHTN theo quy định của pháp luật về BHTN.

- Số tiền BHXHB trốn đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ theo quy định tại Điều 13.4 Luật BHXH còn phải đóng vào quỹ BHXH do đã đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng BHXHB thấp hơn quy định tại Điều 31.1 Luật BHXH;

- Số tiền BHTN trốn đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ còn phải đóng vào quỹ BHTN do đã đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng BHTN bắt buộc thấp hơn quy định của pháp luật về BHTN.

(iii) Trường hợp trốn đóng do không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký BHXHB, BHTN sau 60 ngày kể từ ngày đóng chậm nhất và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc:

- Số tiền BHXHB trốn đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ theo quy định tại Điều 13.4 Luật BHXH còn phải đóng theo đăng ký sau 60 ngày kể từ ngày đóng BHXHB chậm nhất quy định tại Điều 34.4 Luật BHXH và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định tại Điều 35 Luật BHXH, Điều 3 Nghị định 274;

- Số tiền BHTN trốn đóng được xác định là số tiền thuộc trách nhiệm của NSDLĐ còn phải đóng theo đăng ký sau 60 ngày kể từ ngày đóng BHTN chậm nhất theo quy định của pháp luật về BHTN và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định tại Điều 35 Luật BHXH, Điều 3 Nghị định 274.

(ii) Trường hợp trốn đóng do đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng BHXHB, BHTN thấp hơn quy định:

Ngoài số tiền trốn đóng trên, cơ quan BHXH tính số tiền NSDLĐ phải nộp bằng 0,03%/ngày đối với số tiền trốn đóng trên toàn bộ số ngày trốn đóng, căn cứ theo Điều 7.2 Nghị định 274.





Điều 6.2 Nghị định 274 quy định số ngày trốn đóng BHXHB, BHTN như sau:

- Số ngày trốn đóng BHXHB, BHTN được tính từ ngày sau thời hạn đóng BHXH chậm nhất quy định tại Điều 28.1, Điều 28.2, và Điều 34.4 Luật BHXH hoặc sau thời hạn đóng BHTN chậm nhất theo quy định của pháp luật về BHTN.

- Trường hợp trốn đóng do đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng BHXHB, BHTN thấp hơn quy định thì số ngày trốn đóng BHXHB, BHTN được xác định như sau:

- Đối với các phương thức đóng hàng tháng: Số ngày trốn đóng được tính từ sau ngày cuối cùng của tháng tiếp theo tháng phát sinh tiền lương đã đăng ký làm căn cứ đóng BHXHB thấp hơn quy định.

- Đối với phương thức đóng 03 tháng một lần hoặc 06 tháng một lần: Số ngày trốn đóng được tính từ sau ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ đóng đã đăng ký làm căn cứ đóng BHXHB thấp hơn quy định.

- Trường hợp trốn đóng do không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký BHXHB, BHTN sau 60 ngày kể từ ngày đóng chậm nhất thì số ngày trốn đóng BHXHB, BHTN được xác định như sau:

- Đối với đơn vị sử dụng lao động đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định trong thời hạn 45 ngày kể từ sau thời hạn đóng BHXH chậm nhất: Số ngày trốn đóng được tính từ sau 60 ngày kể từ sau thời hạn đóng BHXH, BHTN chậm nhất.

- Đối với đơn vị sử dụng lao động đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định sau 45 ngày kể từ sau thời hạn đóng BHXH chậm nhất:

Số ngày trốn đóng được tính từ ngày thứ 15 kể từ ngày ban hành văn bản đơn đốc của cơ quan có thẩm quyền.

5. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHXH

Điều 8.1 Nghị định 274 quy định thẩm quyền giải quyết khiếu nại thuộc về Thủ trưởng cơ quan BHXH. Bên cạnh đó, Điều 12 Nghị định 274 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo về BHXH sẽ thuộc về người đứng đầu cơ quan BHXH. Trường hợp tố cáo cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ về BHXH thì thẩm quyền giải quyết tố cáo thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó.

6. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHXH

Điều 9 Nghị định 274 quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về quyết định hoặc hành vi liên quan đến BHXH được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong khi đó, trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về BHXH được thực hiện theo pháp luật về tố cáo, căn cứ theo Điều 14 Nghị định này.



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2025

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI TRONG THÁNG 10/2025

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
----	---------------	-------------

DOANH NGHIỆP

1.	01/10/2025	Thông tư 83/2025/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 138/2012/TT-BTC hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
----	------------	---

THƯƠNG MẠI

1.	30/10/2025	Nghị định 247/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 171/2016/NĐ-CP về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi bởi Nghị định 86/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành
----	------------	--

XUẤT NHẬP KHẨU

1.	12/10/2025	Thông tư 86/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
----	------------	--

TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

1.	15/10/2025	Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025 do Quốc Hội ban hành
2.	01/10/2025	Thông tư 81/2025/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
3.	01/10/2025	Thông tư 23/2025/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 30/2019/TT-NHNN quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2025

4.	15/10/2025	Thông tư 24/2025/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 63/2024/TT-NHNN quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
----	------------	---

THUẾ - PHÍ – LỆ PHÍ

1.	01/10/2025	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 do Quốc Hội ban hành
2.	12/10/2025	Thông tư 86/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
3.	15/10/2025	Nghị định 236/2025/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 107/2023/QH15 về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu do Chính Phủ ban hành

BẢO HIỂM

1.	16/10/2025	Thông tư 98/2025/TT-BQP hướng dẫn thực hiện Nghị định 188/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng
----	------------	---

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

1.	01/10/2025	Thông tư 09/2025/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
----	------------	--

QUYỀN DÂN SỰ

1.	01/10/2025	Thông tư 68/2025/TT-BCA sửa đổi Thông tư 31/2023/TT-BCA quy định về mẫu hộ chiếu, mẫu giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành
2.	01/10/2025	Thông tư 22/2025/TT-BYT quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603